

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2018/DS-ST

Ngày: 17/7/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Nhân

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận
Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST-DS ngày
16/3/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 220/2018/QĐXXST-DS ngày 15/6/2018; Quyết định hoãn phiên
tòa số 201/2018/QĐST-DS ngày 02/7/2018.

Nguyên đơn: Ông Lê Võ Minh T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: số nhà 99 Đường số V, Khu phố X, phường Y, quận Z, Thành
phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Dương Lê P, sinh năm: 1969

Địa chỉ: số nhà 1011/4 đường M, khu phố N, phường K, Quận L, Thành
phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đồi, sinh năm: 1950

Địa chỉ: số nhà 42/2/5/5 Đường số V, Khu phố X, phường Y, quận Z,
Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2018 của ông Lê Võ Minh T và
lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền ông Dương Lê P:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 01/6/2017 ông T đã cho bà Nguyễn
Thị Đ vay số tiền 1.300.000.000 đồng để kinh doanh, thoả thuận thời hạn vay 01
tháng và mức lãi suất cho vay 5%/tháng. Khi nhận tiền bà Đ có viết tờ cam kết
sẽ trả nợ đúng hạn. Ngày 02/6/2017 ông T yêu cầu bà Đ tiếp tục ký hợp đồng

vay tiền tại Văn phòng công chứng Đông thành phố để xác định số tiền giao dịch và thời hạn trả nợ. Thực tế ông T đã giao tiền cho bà Đ vào ngày 01/6/2017. Đến hạn ông T nhiều lần yêu cầu bà Đ trả nợ nhưng bà Đ không thực hiện trả nợ gốc và lãi. Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu bà Đ thanh toán số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể lãi suất trong hạn bằng 20%/năm tính từ ngày 02/6/2017 đến ngày 02/7/2017 và lãi suất quá hạn bằng 20%/năm x 150% từ ngày 03/7/2017 đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông T yêu cầu bà Đ phải trả là 1.700.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Đ đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà Đ vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử ; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn 426.832.665 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Do nguồn tiền vay là tài sản riêng của ông T, bà Trương Thị D (vợ ông T) đã có lời khai xác định không phải tài sản chung của vợ chồng nên không cần thiết phải triệu tập bà D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với tờ cam kết ngày 01/6/2017 và hợp đồng vay tiền số công chứng 012008 ngày 02/6/2017 của Văn phòng công chứng Đông thành phố thể hiện vào ngày 01/6/2017 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1.300.000.000 đồng, đã giao dịch vào ngày 01/6/2017 nhưng để đảm bảo về chứng cứ ngày 02/6/2017 hai bên tiếp tục ký

hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng. Theo thoả thuận thì thời hạn nguyên đơn cho bị đơn vay là một tháng, mức lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên sau khi vay bị đơn không thực hiện và trả nợ theo thoả thuận.

Do bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ tờ cam kết ngày 01/6/2017 và hợp đồng vay tiền ngày 02/6/2017 có cùng nội dung thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tài sản với số tiền 1.300.000.000 đồng trong thời hạn một tháng theo mức lãi suất do hai bên thoả thuận để xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 02/7/2017, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng.

Về tiền lãi suất: hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có lãi, theo nguyên đơn trình bày thì mức lãi suất hai bên thoả thuận là 5%/tháng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất là có căn cứ. Xét, mặc dù mức lãi suất các bên tự thoả thuận khi vay là cao hơn so với quy định pháp luật nhưng đến nay phía nguyên đơn yêu cầu tính theo mức lãi suất 20%/năm đối với lãi suất trong hạn và $20\% / \text{năm} \times 150\%$ đối với lãi suất quá hạn là phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 466 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bị đơn chưa trả tiền lãi suất cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không phải điều chỉnh về tiền lãi suất đã thanh toán. Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn: $1.3000.000.000 \text{ đồng} \times 1,7\% / \text{tháng} \times 01 \text{ tháng} (02/6/2017 \text{ đến } 02/7/2018) = 21.666.000 \text{ đồng}.$

Lãi suất quá hạn: $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\% / \text{tháng} \times 12 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} (03/7/2017 \text{ đến } 17/7/2018) = 405.166.665 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Võ Minh T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Đ;

Bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Võ Minh T số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi suất 426.832.665 đồng, tổng cộng 1.726.832.665 (một tỉ bảy trăm hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm sáu lăm) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 63.804.980 (sáu mươi ba triệu tám trăm lẻ bốn ngàn chín trăm tám mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Võ Minh T được nhận lại 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0038420 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy